TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2022
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa
- Ông Nguyễn Tấn Để

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tô Văn L, sinh năm 1972 (có mặt)
Bị đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp Ngã Bát, xã Đông Hưng B, huyện An Minh- Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 02/7/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông L trình bày và yêu cầu như sau:***

Ông và bà Trần Thị Th chung sống với nhau như vợ chồng năm 1997, đến năm 1999 đăng ký kết hôn tại xã Biển Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, ông L xác định ông và bà Th sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sống không hợp nhau, làm ra bao nhiêu tiền đưa cho bà Th cất giữ, bà chi tiêu không rõ ràng làm cho ông L không tinh tưởng nhiều năm liền nhưng ông L vẫn cố gắng duy trì kéo dài thời gian để vợ chồng sống nuôi con nhưng càng ngày mâu thuẫn nhiều hơn, bà Th bỏ nà đi sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay, ông L cảm thấy tình trạng hôn nhân giữa ông và bà Th

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Th.

Về con chung: Ông L xác định có 03 đứa con chung, Tô Thị Lượm, sinh ngày 11/4/1998, Tô Hồng Lĩnh, sinh ngày 12/4/2000, Tô Hồng Lảnh, sinh ngày 03/01/2003, hiện nay các con của ông đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Bị đơn bà Trần Thị Th từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay không ý kiến trình bày***:

**** Tại phiên tòa*:** Nguyên đơn ông Tô Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Th được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều văn bản tố tụng, không ý kiến, vắng mặt không lý do.

**** Kiểm sát viên phát biểu*:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định ông L và bà Th có đăng ký kết hôn năm 1999, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Th, thấy rằng hôn nhân giữa ông L và bà Th đã phát sinh nhiều mâu thuẫn căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Tô Văn L, cho ông L được ly hôn với bà Trần Thị Th.

- Về con chung: Ông L xác định, có 03 đứa con chung như trên và đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được, ông không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Ông L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Sau khi Tòa an thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện An Minh đã giao thông báo cho bà Th biết về việc ông L xin ly hôn đối với bà Th nhưng đã hết thời gian quy định trong thông báo mà bà Th không ý kiến và không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định, bà Th vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa xét xử lần 2 bà Th vẫn vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà Th.

X*ét về quan hệ hôn nhân*: Ông L và bà Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 1999 đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông L khởi kiện xin ly hôn đối với bà Th, xét thấy, ông L và bà Th có đăng ký kết hôn, tại thời điểm đăng ký kết hôn thì ông bà có đủ điều kiện theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vợ chồng ông Tô Văn L và bà Trần Thị Th sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Th bỏ ông L đi nơi khác sinh sống từ năm 2019 và ông bà sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay ông L yêu cầu được ly hôn với bà Th nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông L và ý kiến đề nghị của kiểm sát viên cho ông L được ly hôn với bà Th là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Về con chung*: Ông L xác định, có 03 đứa con chung Tô Thị Lượm, sinh ngày 11/4/1998, Tô Hồng Lĩnh, sinh ngày 12/4/2000, Tô Hồng Lảnh, sinh ngày 03/01/2003, hiện nay các con của ông đã trưởng thành, khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa giải quyết.Nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ*: Ông L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4**]** *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ông Tô Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Th.

[2]. *Về con chung*: Ông L xác định, Tô Thị Lượm, sinh ngày 11/4/1998, Tô Hồng Lĩnh, sinh ngày 12/4/2000, Tô Hồng Lảnh, sinh ngày 03/01/2003, hiện nay các con của ông đã trưởng thành, khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ chung*: Ông L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm:* Buộc ông L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), án phí ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà ông đã nộp theo biên lai số 0005193 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Ông L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/6/2022) đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản chính của bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tống đạt hợp lệ theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Biển Bạch, huyện Thới Bình;
- Lưu HS vụ án, VP.

Lê Mỹ Huê